

Số: 48/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 213/2025/TLST - HNGĐ ngày 26/11/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Xóm F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

Số căn cước công dân: 019185016259, ngày cấp 06/02/2025, nơi cấp: Bộ C.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Đắc A**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm B, thôn Đ, xã K, tỉnh Hưng Yên.

Số căn cước công dân: 033084001421, ngày cấp 09/7/2025, nơi cấp: Bộ C.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/02/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nông Thị T** và anh **Đỗ Đắc A**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Thị T** và anh **Đỗ Đắc A** tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu Đỗ An N, sinh ngày 12/02/2023. Hiện nay cháu N đang ở với chị T. Chị T, anh A thống nhất thỏa thuận giao cháu Đỗ An N cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác*: Chị T và anh A tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Các bên thỏa thuận chị Nông Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003584 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả lại chị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TTr & THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 3 - tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Phúc Thuận - Thái Nguyên (GCN số 24, ngày 21/3/2022 của xã Phúc Thuận cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy

